

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 40

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Giao nhận kho vận ngoại thương (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 27/11/2023
Ông Nguyễn Việt Dũng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/11/2023
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	
Ông Trương Quang Cường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/07/2023
Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/07/2023 và được bầu Chủ tịch HĐQT từ ngày 27/11/2023
Ông Nguyễn Việt Dũng	Thành viên	Trở thành thành viên HĐQT từ ngày 27/11/2023, miễn nhiệm ngày 21/12/2023
Ông Nguyễn Công Hiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/12/2023

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Nhung	Thành viên
Bà Đào Thị Minh Hòa	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo như sau:

Ông Nguyễn Văn Khánh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Khánh - Tổng Giám đốc Công ty.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Nhóm Công ty.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;



**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN KHO VẬN NGOẠI THƯƠNG**  
Số 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

---

- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

**Thay mặt Ban Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**







## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Giao nhận kho vận Ngoại thương và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, được lập ngày 11/04/2024, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số VII-7.1 “Sự kiện liên quan đến chi phí tiền thuê đất tại Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng”, Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Công ty con) đã căn cứ vào Bản án phúc thẩm số 311/2023/HC-PC ngày 06/09/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng để ghi nhận toàn bộ số tiền thuê đất bổ sung phát sinh từ năm 2018 đến năm 2021 là 11.707.294.905 đồng vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2023 thay vì phản ánh vào kết quả kinh doanh của từng năm phát sinh. Việc ghi nhận như vậy là chưa đảm bảo tính đúng kỳ theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Theo Thuyết minh về “Giả định hoạt động liên tục” trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Vietrans Đà Nẵng), Báo cáo tài chính được lập dựa trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2023, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Vietrans Đà Nẵng âm (16.798.665.800) đồng và vốn chủ sở hữu âm (10.018.743.024) đồng, nợ ngắn hạn của Vietrans Đà Nẵng cũng vượt quá tài sản lưu động là 9.983.678.224 đồng, hầu hết các khoản nợ phải thu và phải trả đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng. Hoạt động kinh doanh của Vietrans Đà Nẵng đã lỗ liên tục 4 năm, đất thuê tại số 35 Ngô Quyền, TP Đà Nẵng sử dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Vietrans Đà Nẵng đã hoàn trả cho Nhà nước và vô hình là Nhà văn phòng và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 158, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại địa chỉ Lô A-192B



đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã kê biên cưỡng chế và bán đấu giá tài sản thành công để thi hành án. Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi không thu thập được bằng chứng nào cho thấy Vietrans Đà Nẵng có thể tiếp cận được với các nguồn lực tài chính hoặc có kế hoạch hành động trong tương lai để chứng minh giả định hoạt động liên tục mà Ban Giám đốc đang áp dụng để lập Báo cáo tài chính là có cơ sở. Nếu Báo cáo tài chính riêng của Vietrans Đà Nẵng được lập theo quy định cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, nhiều khoản mục trong Báo cáo tài chính sẽ bị ảnh hưởng trọng yếu.

Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Miền Nam (Công ty con) ghi nhận các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi với tổng số dư tại ngày 31/12/2023 là 938.443.305 đồng. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định khả năng thu hồi của các khoản nợ này. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về việc liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ này hay không.

Khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans (Công ty liên kết) được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023 với giá trị 164.314.497 VND được xác định căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans do đơn vị tự lập và chưa được kiểm toán. Chúng tôi không được cung cấp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans do đó không có sở sở đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phan Thanh Quân**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

1974-2023-047-1

*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ATC**

**Phạm Thị Khánh Hòa**

**Kiểm toán viên**

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3399-2020-047-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>658.942.110.505</b>	<b>499.623.010.986</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>204.177.504.514</b>	<b>100.654.594.254</b>
1. Tiền	111		93.127.504.514	26.104.594.254
2. Các khoản tương đương tiền	112		111.050.000.000	74.550.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>115.320.158.912</b>	<b>151.935.025.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	20.025.000	20.025.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	115.300.133.912	151.915.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>279.388.089.981</b>	<b>206.842.941.185</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	209.344.664.653	159.296.247.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.12b	21.909.300.536	13.932.836.230
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	59.749.844.065	41.545.428.067
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(11.615.719.273)	(7.931.570.557)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>33.879.916.680</b>	<b>26.344.408.356</b>
1. Hàng tồn kho	141		55.862.412.115	48.326.903.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.982.495.435)	(21.982.495.435)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.176.440.418</b>	<b>13.846.042.191</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.166.682.253	998.741.292
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		22.967.754.942	8.146.375.680
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13b	2.042.003.223	4.700.925.219
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>158.486.885.108</b>	<b>189.454.010.658</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.970.776.136</b>	<b>325.754.136</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.970.776.136	325.754.136
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>142.974.609.874</b>	<b>174.958.220.703</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	136.550.938.308	164.606.518.473
- Nguyên giá	222		444.725.134.355	528.188.097.501
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(308.174.196.047)	(363.581.579.028)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.423.671.566	10.351.702.230
- Nguyên giá	228		42.163.252.467	44.813.142.467
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.739.580.901)	(34.461.440.237)
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV- Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.980.259.092</b>	<b>2.980.259.092</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.980.259.092	2.980.259.092
<b>V- Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2c</b>	<b>2.364.314.497</b>	<b>2.364.314.497</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		164.314.497	164.314.497
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.200.000.000	2.200.000.000
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.196.925.509</b>	<b>8.825.462.230</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	3.800.426.422	4.218.963.143
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18a	4.396.499.087	4.606.499.087
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>817.428.995.613</b>	<b>689.077.021.644</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 01-DN/HN

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>343.017.280.921</b>	<b>236.095.486.378</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>334.109.135.629</b>	<b>229.835.004.520</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	159.957.916.340	106.003.833.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.3b	3.272.001.753	4.978.179.154
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	26.922.598.614	7.773.138.102
4. Phải trả người lao động	314		27.819.691.974	20.027.566.192
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	33.313.638.707	40.283.550.984
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	289.673.454	153.749.804
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	58.630.728.739	28.030.930.845
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	-	2.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.17	5.305.936.460	3.718.060.183
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.596.949.588	16.865.996.182
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.908.145.292</b>	<b>6.260.481.858</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	8.028.568.234	5.380.904.800
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.18b	879.577.058	879.577.058
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>474.411.714.692</b>	<b>452.981.535.266</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>474.411.714.692</b>	<b>452.981.535.266</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		268.000.000.000	268.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		268.000.000.000	268.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		11.707.640.752	11.707.640.753
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(7.476.390.252)	(7.476.390.252)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.957.702.369	17.541.110.084
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.698.788.709	2.698.788.709
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.921.665.090	46.849.665.706
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.644.046.299	25.672.056.654
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		37.277.618.791	21.177.609.052
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		117.602.308.023	113.660.720.266
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>817.428.995.613</b>	<b>689.077.021.644</b>

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Bích Hạnh

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Văn Khánh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B 02-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.229.727.578.726	1.013.781.243.163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	733.649	354.190.552
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		1.229.726.845.077	1.013.427.052.611
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.111.245.024.438	898.871.956.693
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		<b>118.481.820.639</b>	<b>114.555.095.918</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.358.822.650	15.409.770.405
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	7.453.024.852	5.522.343.516
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		186.979.055	245.226.330
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	85.447.420.079	76.698.177.875
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		<b>42.940.198.358</b>	<b>47.744.344.932</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.6	66.339.180.330	4.956.966.802
13. Chi phí khác	32	VI.7	29.276.551.375	794.080.709
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		<b>37.062.628.955</b>	<b>4.162.886.093</b>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		<b>80.002.827.313</b>	<b>51.907.231.025</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	19.526.125.038	13.139.549.212
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	210.000.000	692.611.095
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		<b>60.266.702.275</b>	<b>38.075.070.718</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		37.277.618.791	21.177.609.052
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		22.989.083.484	16.897.461.666
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	795,29	451,81

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Thị Bích Hạnh

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khánh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.002.827.313	51.907.231.025
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.959.120.018	19.710.532.097
- Các khoản dự phòng	03		5.272.024.993	546.807.117
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		291.993.899	(393.004.450)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(65.415.432.991)	(10.182.943.708)
- Chi phí lãi vay	06		186.979.055	245.226.330
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.297.512.287	61.833.848.411
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(82.517.831.971)	(81.693.355.991)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.535.508.324)	3.154.572.411
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		104.997.225.328	53.878.327.286
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		250.595.760	3.045.080.893
- Tiền lãi vay đã trả	14		(200.104.055)	(248.163.830)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.182.020.820)	(12.884.144.333)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.557.351.038)	(8.023.007.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.552.517.167	19.063.157.471
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.976.176.732)	(3.108.325.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		68.733.840.207	7.482.046.803
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(184.908.317.139)	(198.145.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		221.523.183.227	183.276.908.768
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.148.411.583	9.626.779.312
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		109.520.941.146	(867.590.117)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B 03-DN/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.000.000.000)	(4.100.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(33.797.333.534)	(4.423.662.570)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(35.797.333.534)</b>	<b>(6.523.662.570)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>103.276.124.779</b>	<b>11.671.904.783</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>100.654.594.254</b>	<b>88.853.736.175</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		246.785.481	128.953.296
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>204.177.504.514</b>	<b>100.654.594.254</b>

Thông tin thuyết minh bổ sung cho các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

• **Chỉ tiêu 05 - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư bao gồm:**

- Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng đã được bồi thường khi UBND thành phố Hải Phòng thu hồi đất tại khu vực 142 Lê Lai với giá trị 14.147.663.208 VND;
- Thu nhập từ nhận hỗ trợ bồi thường khi thu hồi đất tại khu vực 142 Lê Lai của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng với giá trị 56.325.723.656 VND.

• **Chỉ tiêu 22 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác** bao gồm: Tiền thu từ nhận hỗ trợ bồi thường thu hồi đất tại khu vực 142 Lê Lai của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng với số tiền 56.325.723.656 VND.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Thị Bích Hạnh

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Khánh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Giao nhận Kho vận Ngoại thương theo Quyết định số 1221/QĐ-BCT ngày 17 tháng 03 năm 2011 của Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107317 đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 08 năm 2010, thay đổi lần thứ 10 ngày 15 tháng 05 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 15 Bis Lý Nam Đế, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 268.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tám tỷ đồng*).

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan tới vận tải;
- Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Đại lý làm thủ tục hải quan;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Dịch vụ đóng hòm, đóng thùng và bao gói hàng hoá;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Giao nhận, ủy thác xuất nhập khẩu;
- Cho thuê kho bãi;
- Dịch vụ logistics;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

**Cấu trúc Nhóm Công ty**

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng	5A Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng	66,12%	66,12%	Ủy thác XNK, cho thuê kho bãi
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, Quy Nhơn, Bình Định	67,80%	67,80%	Ủy thác XNK, giao nhận
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Miền Nam	23 Hoàng Diệu, TP. Hồ Chí Minh	60,00%	60,00%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng	Lô A-192B, đường 30/4, Hải Châu, Đà Nẵng	57,25%	57,25%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty Liên doanh Bông Sen	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	61,80%	61,80%	Giao nhận, cho thuê kho bãi, vận tải
Công ty TNHH Logistics Sinovitrans	1A Nguyễn Văn Quỳ, Q.7, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hóa và các dịch vụ khác

Danh sách công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ vốn thực góp</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	43,48%	Xây dựng

Danh sách các đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ:

<b>Tên</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Công ty giao nhận kho vận ngoại thương Nghệ An	103 Nguyễn Du, TP. Vinh, Nghệ An
Chi nhánh Công ty giao nhận kho vận ngoại thương Quy Nhơn	91 Lê Lợi, TP. Quy Nhơn, Bình Định
Chi nhánh Công ty cổ phần giao nhận kho vận ngoại thương -Xí nghiệp Dịch vụ xây dựng Ngoại thương	15 Bis Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Văn phòng đại diện Công ty giao nhận kho vận Ngoại thương	102 Nguyễn Văn Cừ, TP. Hồ Chí Minh

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập tuân theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07: Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Chuẩn mực kế toán số 08: Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 10: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- Chuẩn mực kế toán số 11: Hợp nhất kinh doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 21: Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực kế toán số 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Chuẩn mực kế toán số 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

(Ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất Nhóm Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**Danh sách báo cáo tài chính các công ty được sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Nhóm Công ty được lập căn cứ các báo cáo tài chính sau:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.
- Báo cáo tài chính của công ty con - Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).
- Báo cáo tài chính của công ty con - Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Báo cáo tài chính của công ty con - Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Quy Nhơn cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
- Báo cáo tài chính của công ty con - Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Miền Nam cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty Liên doanh Bông Sen cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty TNHH Logistics Sinovitrans cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.
- Báo cáo tài chính của công ty liên kết - Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 do đơn vị tự lập và chưa được kiểm toán.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 05 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Nhóm Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Nhóm Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 25
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 25



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

Quyền sử dụng đất tại quận 7, thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của công ty con - Công ty Liên doanh Bông Sen được khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian góp vốn (33 năm kể từ tháng 02 năm 1994).

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Nhóm Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Nhóm Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể (trực tiếp hoặc gián tiếp) nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất độ của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm chi phí nội thất văn phòng, chi phí sửa chữa tài sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí cần phân bổ khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Nhóm Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng tuân thủ các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Nhóm Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Nhóm Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ và phần sở hữu của Công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con do Công ty mẹ đánh giá lại giá trị khoản đầu tư vào công ty con khi xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa Công ty mẹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Nhóm Công ty và được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

**Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp cung cấp dịch vụ trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

*Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo hai trường hợp sau:*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hoá đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hoá đơn là bao nhiêu;
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hoá đơn đã lập.

*Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng:* làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn hai (2) điều kiện sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ: Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn; Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch; Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và số thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế và Nhóm Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty hoặc bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	5.201.866.986	1.471.630.427
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	87.925.637.528	24.632.963.827
Các khoản tương đương tiền	111.050.000.000	74.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>204.177.504.514</b>	<b>100.654.594.254</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	25.000	-	25.000	-
Cổ phiếu Công ty CP XNK Dịch vụ & Đầu tư Việt Nam	20.000.000	-	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.025.000</b>	<b>-</b>	<b>20.025.000</b>	<b>-</b>

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Tại Công ty mẹ</b>	<b>51.150.000.000</b>	<b>51.150.000.000</b>	<b>45.150.000.000</b>	<b>45.150.000.000</b>
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	47.150.000.000	47.150.000.000	41.150.000.000	41.150.000.000
Chứng chỉ tiền gửi tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
<b>Tại các Công ty con</b>	<b>64.150.133.912</b>	<b>64.150.133.912</b>	<b>106.765.000.000</b>	<b>106.765.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng	64.150.133.912	64.150.133.912	106.765.000.000	106.765.000.000
<b>Cộng</b>	<b>115.300.133.912</b>	<b>115.300.133.912</b>	<b>151.915.000.000</b>	<b>151.915.000.000</b>

c) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>164.314.497</b>	<b>-</b>	<b>164.314.497</b>	<b>-</b>
Công ty CP Đầu tư XD và XNK Vietrans (i)	164.314.497	-	164.314.497	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>-</b>	<b>2.200.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty CP Tiếp vận Ngoại thương Miền Nam (ii)	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty cổ phần Hàng hải Bông Sen (iii)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.364.314.497</b>	<b>-</b>	<b>2.364.314.497</b>	<b>-</b>

- (i) Giá trị khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu căn cứ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Vietrans do đơn vị tự lập và chưa được kiểm toán.
- (ii) Tại ngày 31/12/2023, Nhóm Công ty nắm giữ 20.000 cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Tiếp vận Ngoại thương Miền Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

- (iii) Tại ngày 31/12/2023, Nhóm Công ty nắm giữ 200.000 cổ phiếu, tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Hàng hải Bông Sen.

**3. Công nợ với khách hàng**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Bên không liên quan	<b>209.344.664.653</b>	<b>159.296.247.445</b>
Công ty TNHH Hầm Rượu Châu Á	24.506.828.173	27.541.973.882
Công ty TNHH Thương mại Thiên Linh	-	2.046.497.961
Công ty TNHH Ford Việt Nam	5.152.845.417	4.718.549.133
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Quốc tế	8.354.813.075	8.504.813.075
Công ty TNHH Châu Giang	564.391.387	2.104.259.358
Công ty Cổ phần Vận tải biển VINAFCO	2.940.115.720	1.528.268.283
Công ty Cổ phần Hàng hải Bông Sen	6.874.427.083	3.343.834.117
Ban quản lý Dự án chuyên ngành xây dựng công trình y tế	6.170.198.813	4.737.568.790
Công ty TNHH Hailide (Việt Nam)	76.057.123	5.289.740.835
Công ty TNHH Công nghiệp Jinko Solar (Việt Nam)	26.689.199.244	1.547.811.250
Sinotrans Changjiang Co., Ltd Nanjing Branch	-	4.208.282.497
Công ty TNHH Gain Lucky (Việt Nam)	-	5.731.784.314
Công ty TNHH Billion Industrial Việt Nam	6.936.764.328	4.921.942.400
Công ty TNHH JA Solar Việt Nam	12.213.813.877	33.493.790.259
Công ty TNHH GreensPS Resources	1.125.934.115	1.454.347.111
Công ty cổ phần phát triển UP	5.005.000.000	-
Công ty Honda Việt Nam	4.226.288.720	-
Công ty TNHH Đại lý và môi giới Vận tải biển quốc tế	3.945.068.759	-
Focus Furniture International Inc	16.825.830.922	-
Công ty TNHH Sinotrans Việt Nam Logistics	39.520.390.849	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	38.216.697.048	48.122.784.180
<b>Cộng</b>	<b>209.344.664.653</b>	<b>159.296.247.445</b>
<b>b) Khách hàng trả trước ngắn hạn</b>		
- Bên không liên quan	<b>3.272.001.753</b>	<b>4.978.179.154</b>
Công ty TNHH Tân Trường Phát	-	4.055.052.398
Công ty TNHH XNK hàng tiêu dùng Việt Nam	2.901.622.793	-
Các khoản khách hàng trả trước khác	370.378.960	923.126.756
<b>Cộng</b>	<b>3.272.001.753</b>	<b>4.978.179.154</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>59.749.844.065</b>	<b>41.545.428.067</b>
Phải thu về cổ phần hóa	827.521.153	827.521.153
Các khoản tạm ứng	21.502.445.782	15.937.034.372
Trích trước giá trị nghiệm thu công trình BV K	-	3.766.159.544
Công ty TNHH JA Solar Việt Nam (Chi hộ)	2.204.314.952	8.267.558.470
Công ty TNHH JA Solar PV Việt Nam (Chi hộ)	961.280.434	980.794.519
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Shundao (Việt Nam)	196.647.771	2.323.667.096
Hede (Hongkong) International Shipping Limited	10.125.126.701	-
Công ty TNHH Công nghiệp Jinko Solar (Việt Nam)	6.669.794.845	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Sinotrans Việt Nam Logistics	7.415.896.910	-
Ký cược, ký quỹ	2.393.260.000	1.327.672.000
Bảo hiểm xã hội	30.687.337	-
Bảo hiểm y tế	6.521.726	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.347.817	-
Lãi dự thu	870.240.411	1.749.416.132
Phải thu Chi cục Thi hành án quận Hải Châu (*)	573.507.872	-
Phải thu ngắn hạn khác	5.968.250.354	6.365.604.781
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.970.776.136</b>	<b>325.754.136</b>
Ký cược, ký quỹ	1.970.776.136	325.754.136
<b>Cộng</b>	<b>61.720.620.201</b>	<b>41.871.182.203</b>

(\*) Chi cục Thi hành án quận Hải Châu tạm giữ lại số tiền còn lại sau khi bán đấu giá tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Công ty con) để thi hành án. Chi cục Thi hành án quận Hải Châu đã gửi Công văn số 116/CCTHADS đề nghị Văn phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng sớm hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu sử dụng đất đai và tài sản gắn liền với đất để chi trả lại số tiền tạm giữ lại cho Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng.

**5. Hàng tồn kho**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	148.119.900	-	137.566.941	-
Công cụ, dụng cụ	25.348.187.685	(21.982.495.435)	24.767.012.685	(21.982.495.435)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.281.530.649	-	23.337.016.581	-
Hàng hóa	84.573.881	-	85.307.584	-
<b>Cộng</b>	<b>55.862.412.115</b>	<b>(21.982.495.435)</b>	<b>48.326.903.791</b>	<b>(21.982.495.435)</b>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản giảm giá của cần cầu IHI-03 trích lập tại Công ty Liên doanh Bông Sen.

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>14.645.616.656</b>	<b>(11.615.719.273)</b>	<b>14.795.616.656</b>	<b>(7.931.570.557)</b>
<i>Tại công ty mẹ</i>	<i>8.392.199.075</i>	<i>(5.873.506.075)</i>	<i>8.542.199.075</i>	<i>(2.393.839.112)</i>
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Quốc tế	8.354.813.075	(5.854.813.075)	8.504.813.075	(2.393.839.112)
Công ty cổ phần kỹ nghệ GK	37.386.000	(18.693.000)	37.386.000	-
<i>Tại Vietrans Quy Nhơn</i>	<i>199.780.873</i>	<i>(199.780.873)</i>	<i>199.780.873</i>	<i>(199.780.873)</i>
Ông Nguyễn Lân	150.000.000	(150.000.000)	150.000.000	(150.000.000)
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Phong	12.000.000	(12.000.000)	12.000.000	(12.000.000)
Công ty Vật tư Dịch vụ Nông lâm nghiệp Kon Tum	37.780.873	(37.780.873)	37.780.873	(37.780.873)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

<b>Tại Vietrans Đà Nẵng</b>	<b>4.957.408.765</b>	<b>(4.446.204.382)</b>	<b>4.957.408.765</b>	<b>(4.241.722.629)</b>
Công ty TNHH Chế biến lâm sản Đức Trung	3.920.000.000	(3.920.000.000)	3.920.000.000	(3.920.000.000)
Công ty TNHH Xây Dựng và Thương mại Sun Art	15.000.000	(15.000.000)	15.000.000	(15.000.000)
Đối tượng khác	1.022.408.765	(511.204.382)	1.022.408.765	(306.722.629)
<b>Tại Liên doanh Bông Sen</b>	<b>1.096.227.943</b>	<b>(1.096.227.943)</b>	<b>1.096.227.943</b>	<b>(1.096.227.943)</b>
Công ty TNHH Vận tải biển và thuê tàu Đức Đạt	658.609.416	(658.609.416)	658.609.416	(658.609.416)
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phú Lộc	252.541.600	(252.541.600)	252.541.600	(252.541.600)
Công ty TNHH dịch vụ và vận tải biển Tân Phú	62.657.791	(62.657.791)	62.657.791	(62.657.791)
Công ty cổ phần IBSEC	122.419.136	(122.419.136)	122.419.136	(122.419.136)

**7. Chi phí trả trước**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.166.682.253</b>	<b>998.741.292</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	766.269.972	495.996.234
Chi phí bảo hiểm	3.787.876	38.978.832
Chi phí nội thất văn phòng	-	171.769.337
Chi phí thuê kho bãi	205.117.000	-
Các khoản khác	191.507.405	291.996.889
<b>b) Dài hạn</b>	<b>3.800.426.422</b>	<b>4.218.963.143</b>
Công cụ, dụng cụ	360.326.523	1.150.904.313
Chi phí san lấp mặt bằng	159.155.020	186.834.160
Chi phí sửa chữa tài sản	1.632.923.314	333.810.808
Chi phí nội thất văn phòng	1.372.237.235	2.156.372.795
Các khoản khác	275.784.330	391.041.067
<b>Cộng</b>	<b>4.967.108.675</b>	<b>5.217.704.435</b>

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tại công ty mẹ</b>	<b>2.980.259.092</b>	<b>2.980.259.092</b>
+ Xây dựng văn phòng ở Cầu Giấy	472.199.091	472.199.091
+ Xây Nhà ở cho CBCNV tại Pháp Vân	2.508.060.001	2.508.060.001
<b>Cộng</b>	<b>2.980.259.092</b>	<b>2.980.259.092</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2023	391.998.659.025	118.745.758.857	14.548.438.301	1.399.437.569	1.495.803.749	528.188.097.501
Tăng trong năm	-	-	2.933.916.583	202.743.556	-	3.136.660.139
Mua trong năm	-	-	2.933.916.583	202.743.556	-	3.136.660.139
Giảm trong năm	85.922.625.103	562.200.000	-	114.798.182	-	86.599.623.285
Thanh lý, nhượng bán (i)	1.818.130.314	562.200.000	-	114.798.182	-	2.495.128.496
Giảm khác (ii)	84.104.494.789	-	-	-	-	84.104.494.789
Số dư tại 31/12/2023	<u>306.076.033.922</u>	<u>118.183.558.857</u>	<u>17.482.354.884</u>	<u>1.487.382.943</u>	<u>1.495.803.749</u>	<u>444.725.134.355</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2023	250.245.107.096	98.313.046.647	12.636.517.678	1.049.056.341	1.337.851.266	363.581.579.028
Tăng trong năm	9.698.480.284	5.174.474.964	646.891.979	133.662.123	27.470.004	15.680.979.354
Khấu hao trong năm	9.698.480.284	5.174.474.964	646.891.979	133.662.123	27.470.004	15.680.979.354
Giảm trong năm	70.411.364.153	562.200.000	-	114.798.182	-	71.088.362.335
Thanh lý, nhượng bán (i)	454.532.572	562.200.000	-	114.798.182	-	1.131.530.754
Giảm khác (ii)	69.956.831.581	-	-	-	-	69.956.831.581
Số dư tại 31/12/2023	<u>189.532.223.227</u>	<u>102.925.321.611</u>	<u>13.283.409.657</u>	<u>1.067.920.282</u>	<u>1.365.321.270</u>	<u>308.174.196.047</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2023	<u>141.753.551.929</u>	<u>20.432.712.210</u>	<u>1.911.920.623</u>	<u>350.381.228</u>	<u>157.952.483</u>	<u>164.606.518.473</u>
Số dư tại 31/12/2023	<u>116.543.810.695</u>	<u>15.258.237.246</u>	<u>4.198.945.227</u>	<u>419.462.661</u>	<u>130.482.479</u>	<u>136.550.938.308</u>

Trong đó :

- (i) Thanh lý, nhượng bán nhà cửa, vật kiến trúc là Nhà văn phòng và đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại địa chỉ Lô A-192B đường 30 tháng 4, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Công ty con). Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đã kê biên cưỡng chế và bán đấu giá thành công tài sản của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng để thanh toán các nghĩa vụ nợ liên quan đến Công ty TNHH Tân Trường Phát và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng.
- (ii) Giảm khác nhà cửa, vật kiến trúc do bàn giao mặt bằng thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng (Công ty con) theo Quyết định thu hồi đất số 658/QĐ-UBND ngày 28/04/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

10. Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	42.285.890.000	2.527.252.467	44.813.142.467
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	2.649.890.000	-	2.649.890.000
Thanh lý, nhượng bán (*)	2.649.890.000	-	2.649.890.000
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>39.636.000.000</b>	<b>2.527.252.467</b>	<b>42.163.252.467</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2023	32.105.160.000	2.356.280.237	34.461.440.237
Tăng trong năm	1.189.080.000	89.060.664	1.278.140.664
Khấu hao trong năm	1.189.080.000	89.060.664	1.278.140.664
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>33.294.240.000</b>	<b>2.445.340.901</b>	<b>35.739.580.901</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	10.180.730.000	170.972.230	10.351.702.230
Tại 31/12/2023	6.341.760.000	81.911.566	6.423.671.566

(\*) Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đã kê biên cưỡng chế và bán đấu giá thành công tài sản của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Công ty con) là Nhà văn phòng và đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại địa chỉ Lô A-192B đường 30 tháng 4, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng để thanh toán các nghĩa vụ nợ liên quan đến Công ty TNHH Tân Trường Phát và khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng.

11. Các khoản đi vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	Tăng trong năm	Giảm trong năm	01/01/2023 VND
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

12. Công nợ với nhà cung cấp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>		
- Bên không liên quan	159.957.916.340	106.003.833.074
Công ty CP Vận tải - Thương mại Toàn Linh	-	476.280.000
Sky Air Logistics (Hongkong) Co.,Ltd	24.258.754.195	-
Công ty CP Chuỗi cung ứng Quốc tế Helios	-	2.679.813.649
Công ty TNHH MTV DL VT Container Minh Tâm	-	108.000.000
Công ty TNHH Sinotrans Việt Nam Logistics	7.006.823.901	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hà Nam	2.321.000.000	2.321.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Vận tải Hải Nam	-	2.900.286.000
Công ty Cổ phần Thương mại Du lịch Loan Anh	-	157.481.727



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. Công nợ với nhà cung cấp (Tiếp theo)**

	<b>31/12/2023</b>	<b>01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thương mại và Tiếp vận Hùng Phát	2.981.448.000	3.911.976.000
Công ty TNHH TMDV Lập Thành Phát	6.082.028.000	5.376.885.200
Sinotrans Eastern Company Limited Jinling Branch	1.036.891.041	5.597.095.779
Euroasia Total Logistics (China) Co.,Ltd	15.854.445.993	7.957.926.904
Sinotrans (Shenzhen) Supply Chain Management Co., Ltd	-	6.417.292.523
Công ty TNHH Thương Mại - Xuất nhập khẩu - Vận tải Thành Trang	4.072.059.000	2.244.358.800
Công ty Cổ phần Logistics VICEM	4.866.741.251	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Nữ hoàng	9.438.982.566	3.425.941.760
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	82.038.742.393	62.429.494.732
<b>Cộng</b>	<b>159.957.916.340</b>	<b>106.003.833.074</b>
<b>b) Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn - Bên không liên quan</b>	<b>21.909.300.536</b>	<b>13.932.836.230</b>
Công ty TNHH chế biến lâm sản Đức Trung	3.920.000.000	3.920.000.000
Terre cevico soc.coop.agricola	637.752.750	267.527.383
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Vạn Hạnh Xuân	-	2.304.000.000
Công ty TNHH Đầu tư hàng hải Nam Hải	7.500.000.000	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	9.851.547.786	7.441.308.847
<b>Cộng</b>	<b>21.909.300.536</b>	<b>13.932.836.230</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp/ phải thu Nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>Cuối năm</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	1.132.022.202	35.224.924.328	35.833.615.157	1.740.713.031
Thuế TNDN	11.447.259.585	19.471.221.101	12.142.020.820	4.118.059.304
Thuế TNCN	459.637.493	4.848.212.562	5.207.812.113	819.237.044
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	12.762.967.506	14.224.120.351	2.556.281.568	1.095.128.723
Các loại thuế khác	1.120.711.828	3.649.977.549	2.529.265.721	-
<b>Cộng</b>	<b>26.922.598.614</b>	<b>77.418.455.891</b>	<b>58.268.995.379</b>	<b>7.773.138.102</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT	45.873.608	-	-	45.873.608
Thuế TNDN	58.982.247	40.000.000	54.903.937	73.886.184
Thuế TNCN	562.813.656	799.671.304	592.500.122	355.642.474
Thuế TTĐB	868.061.974	82.377.073.498	83.909.518.893	2.400.507.369
Thuế XNK	506.271.738	28.831.938.302	30.147.679.221	1.822.012.657
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.117.954.493	8.120.957.420	3.002.927
<b>Cộng</b>	<b>2.042.003.223</b>	<b>120.166.637.597</b>	<b>122.825.559.593</b>	<b>4.700.925.219</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	-	13.125.001
Lãi chậm thanh toán cho Công ty TNHH Tân Trường	-	1.862.398.849
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	33.155.499.291	36.064.313.052
Chi phí nợ vớt, duy tu phải trả	-	1.050.000.000
Chi phí phải trả khác	158.139.416	1.293.714.082
<b>Cộng</b>	<b>33.313.638.707</b>	<b>40.283.550.984</b>

**15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê văn phòng, thuê kho, lưu kho, giao nhận	289.673.454	153.749.804
<b>Cộng</b>	<b>289.673.454</b>	<b>153.749.804</b>

**16. Các khoản phải trả khác**

**a) Ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn	330.812.832	315.040.504
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	123.272.279	99.338.039
Cô tức phải trả Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	-	11.728.904.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Chuối cung ứng Helios	11.689.591.258	9.387.465.821
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.887.996.080	-
Hede (Hongkong) International Shipping Limited	5.040.797.649	-
Các khoản dự chi	20.964.274.915	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.321.164.164	1.321.164.164
Các khoản phải trả, phải nộp khác	185.740.000	165.240.000
<b>Cộng</b>	<b>9.087.079.562</b>	<b>5.013.778.317</b>
	<b>58.630.728.739</b>	<b>28.030.930.845</b>

**b) Dài hạn**

Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.850.904.800	5.380.904.800
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cổ đông không kiểm soát	2.177.663.434	-
<b>Cộng</b>	<b>8.028.568.234</b>	<b>5.380.904.800</b>

**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	500.000.000	500.000.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.805.936.460	3.218.060.183
<b>Cộng</b>	<b>5.305.936.460</b>	<b>3.718.060.183</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**18. Thuế thu nhập hoãn lại**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>	<u>4.606.499.087</u>	<u>4.699.964.128</u>
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(210.000.000)	(93.465.041)
<b>Cộng</b>	<u><u>4.396.499.087</u></u>	<u><u>4.606.499.087</u></u>

Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ tại Công ty con - Công ty liên doanh Bông Sen.

**b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>	<u>879.577.058</u>	<u>280.431.004</u>
Chênh lệch tạm thời phải trả do loại trừ dự phòng đầu tư tài chính trên BCTC của Công ty mẹ vào Công ty cổ phần Giao nhận Ngoại thương Đà Nẵng	-	599.146.054
<b>Cộng</b>	<u><u>879.577.058</u></u>	<u><u>879.577.058</u></u>





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**19. Vốn chủ sở hữu**

*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch ĐGL tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông KKS	Cộng
Số dư đầu năm trước	268.000.000.000	(7.476.390.252)	16.515.179.036	11.707.640.753	2.698.788.709	46.556.378.154	113.164.508.520	451.166.104.920
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	21.177.609.052	16.897.461.666	38.075.070.718
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.025.931.048	-	-	-	985.698.458	2.011.629.506
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(9.092.512.331)	(3.623.753.157)	(12.716.265.488)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(11.792.000.000)	(13.763.004.391)	(25.555.004.391)
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	190.831	(190.831)	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>(7.476.390.252)</b>	<b>17.541.110.084</b>	<b>11.707.640.753</b>	<b>2.698.788.709</b>	<b>46.849.665.706</b>	<b>113.660.720.266</b>	<b>452.981.535.266</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	37.277.618.791	22.989.083.484	60.266.702.275
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.416.592.285	-	-	-	1.361.039.647	2.777.631.932
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(10.485.739.466)	(4.580.196.910)	(15.065.936.376)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.720.000.000)	(15.828.218.405)	(26.548.218.405)
Tăng, giảm khác	-	-	-	-	-	120.059	(120.059)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>(7.476.390.252)</b>	<b>18.957.702.369</b>	<b>11.707.640.753</b>	<b>2.698.788.709</b>	<b>62.921.665.090</b>	<b>117.602.308.023</b>	<b>474.411.714.692</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	266.566.000.000	266.566.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	1.434.000.000	1.434.000.000
<b>Cộng</b>	<b>268.000.000.000</b>	<b>268.000.000.000</b>

c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	268.000.000.000	268.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.720.000.000	11.792.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.800.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	26.800.000	26.800.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.800.000	26.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	26.800.000	26.800.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	115.809.147.982	102.803.742.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.112.398.958.119	892.236.482.501
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.519.472.625	18.741.018.420
<b>Cộng</b>	<b>1.229.727.578.726</b>	<b>1.013.781.243.163</b>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	733.649	8.986.961
Giảm giá hàng bán	-	345.203.591
<b>Cộng</b>	<b>733.649</b>	<b>354.190.552</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	110.533.668.458	99.157.655.508
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	999.447.662.390	778.255.146.583
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.263.693.590	21.459.154.602
<b>Cộng</b>	<b>1.111.245.024.438</b>	<b>898.871.956.693</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi tiết kiệm, lãi cho vay	13.429.235.862	8.231.422.658
Cổ tức, lợi nhuận được chia	840.000.000	1.040.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.769.722.414	5.653.999.754
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	319.862.349	393.004.450
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.025	91.343.543
<b>Cộng</b>	<b>17.358.822.650</b>	<b>15.409.770.405</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền vay	186.979.055	245.226.330
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.791.590.184	3.414.715.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	611.856.248	-
Lãi chậm thanh toán cho Công ty TNHH Tân Trường Phát	862.597.850	1.862.398.849
Chi phí tài chính khác	1.515	2.716
<b>Cộng</b>	<b>7.453.024.852</b>	<b>5.522.343.516</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập thuần từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.968.136.681	980.027.716
Tiền bồi thường, hỗ trợ di dời tài sản	70.000.000	2.245.234.132
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	-	1.000.000.000
Xử lý công nợ	20.091	614.699.744
Tiền thuê đất năm 2022 được giảm	956.967.295	-
Thu nhập từ nhận hỗ trợ bồi thường thu hồi đất khu vực 142 Lê Lai (*)	56.325.723.656	-
Các khoản khác	18.332.607	117.005.210
<b>Cộng</b>	<b>66.339.180.330</b>	<b>4.956.966.802</b>

(\*) Khoản thu từ hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất theo Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 28/04/2023 của UBND thành phố Hải Phòng bao gồm 53.268.180.419 đồng tiền bồi thường tài sản trên đất của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Hải Phòng và 3.057.543.237 đồng tiền hỗ trợ ổn định sản xuất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>7. Chi phí khác</b>		
Lỗ thuần từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	68.506.666
Các khoản bị phạt	36.763.400	210.067.558
Tiền án phí	-	224.420.873
Tiền thuê đất truy thu từ năm 2018 - 2021 tại Vietrans Đà Nẵng	11.707.294.905	-
Tiền lãi chậm nộp tiền thuê đất tại Vietrans Đà Nẵng	695.684.201	-
Giá trị còn lại của tài sản trên đất đã được bồi thường khi UBND TP Hải Phòng thu hồi đất tại khu vực 142 Lê Lai	14.147.663.208	-
Chi phí di chuyển hàng hoá để bàn giao mặt bằng tại khu vực 142 Lê Lai	2.114.790.000	-
Các khoản khác	574.355.661	291.085.612
<b>Cộng</b>	<b>29.276.551.375</b>	<b>794.080.709</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp theo yếu tố</b>		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	53.530.301.685	46.485.891.992
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.628.960.758	2.461.604.204
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.070.594.063	982.780.639
Thuế, phí, lệ phí	423.598.081	1.100.021.203
Dự phòng phải thu khó đòi	3.684.148.716	3.917.787.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.704.041.686	15.056.717.819
Các khoản chi phí bán hàng khác	6.405.775.090	6.693.374.536
<b>Cộng</b>	<b>85.447.420.079</b>	<b>76.698.177.875</b>
<b>9. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.526.125.038	13.139.549.212
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>19.526.125.038</b>	<b>13.139.549.212</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm tại công ty con - Công ty liên doanh Bông Sen	210.000.000	93.465.041
Chênh lệch tạm thời phải trả do loại trừ dự phòng đầu tư tài chính trên BCTC của Công ty mẹ vào Công ty cổ phần Giao nhận Ngoại thương Đà Nẵng	-	599.146.054
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>210.000.000</b>	<b>692.611.095</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ</b>	<b>37.277.618.791</b>	<b>21.177.609.052</b>
a) Số điều chỉnh giảm	-	-
b) Số điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>37.277.618.791</b>	<b>21.177.609.052</b>
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.963.851.752)	(9.069.147.181)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	26.800.000	26.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>795,29</b>	<b>451,81</b>

(\*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023 tạm tính theo tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2022 tại Công ty mẹ và các Công ty con đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ và các Công ty con phê duyệt.

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần nêu trên, trong năm, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch VND</u>
Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị	Lương	498.700.800
Hội đồng quản trị	Thù lao HĐQT	48.935.000
Ban kiểm soát	Thù lao BKS	48.000.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ tức đã chi trả	10.662.640.000

**3. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động của Nhóm Công ty chủ yếu trong lĩnh vực thương mại, logistics, xây dựng trong lãnh thổ Việt Nam, doanh thu - giá vốn của từng hoạt động được trình bày chi tiết tại thuyết minh số VI.1 và VI.3. Do đó, Công ty không lập bổ sung báo cáo bộ phận riêng theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**4. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Nhóm Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Nhóm Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Nhóm Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Hoạt động của Nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát được thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Tài chính - Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Nhóm Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Nhóm Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Nhóm Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Đến 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 - 5 năm VND</b>	<b>Sau 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.177.504.514	-	-	204.177.504.514
Phải thu khách hàng và phải thu khác	257.478.789.445	1.970.776.136	-	259.449.565.581
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.320.158.912	-	-	115.320.158.912
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	2.364.314.497	2.364.314.497
<b>Cộng</b>	<b>576.976.452.871</b>	<b>1.970.776.136</b>	<b>2.364.314.497</b>	<b>581.311.543.504</b>
<b>31/12/2023</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	242.491.531.127	8.908.145.292	-	251.399.676.419
Chi phí phải trả	33.313.638.707	-	-	33.313.638.707
<b>Cộng</b>	<b>275.805.169.834</b>	<b>8.908.145.292</b>	-	<b>284.713.315.126</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>301.171.283.037</b>	<b>(6.937.369.156)</b>	<b>2.364.314.497</b>	<b>296.598.228.378</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

	<b>Đến 1 năm VND</b>	<b>Trên 1 - 5 năm VND</b>	<b>Sau 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	100.654.594.254	-	-	100.654.594.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	192.910.104.955	325.754.136	-	193.235.859.091
Đầu tư tài chính ngắn hạn	151.935.025.000	-	-	151.935.025.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	2.364.314.497	-	2.364.314.497
<b>Cộng</b>	<b>445.499.724.209</b>	<b>2.690.068.633</b>	<b>-</b>	<b>448.189.792.842</b>
<b>01/01/2023</b>				
Các khoản vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	154.618.820.284	6.260.481.858	-	160.879.302.142
Chi phí phải trả	40.283.550.984	-	-	40.283.550.984
<b>Cộng</b>	<b>196.902.371.268</b>	<b>6.260.481.858</b>	<b>-</b>	<b>203.162.853.126</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>248.597.352.941</b>	<b>(3.570.413.225)</b>	<b>-</b>	<b>245.026.939.716</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Nhóm Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2023 VND</b>	<b>01/01/2023 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	204.177.504.514	100.654.594.254
Phải thu khách hàng và phải thu khác	271.065.284.854	201.167.429.648
Đầu tư tài chính ngắn hạn	115.320.158.912	151.935.025.000
Đầu tư tài chính dài hạn	2.364.314.497	2.364.314.497
<b>Cộng</b>	<b>592.927.262.777</b>	<b>456.121.363.399</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	-	2.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	251.399.676.419	160.879.302.142
Chi phí phải trả	33.313.638.707	40.283.550.984
<b>Cộng</b>	<b>284.713.315.126</b>	<b>203.162.853.126</b>

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ATC.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**6. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty.

**7. Những thông tin khác**

**7.1 Sự kiện liên quan đến chi phí tiền thuê đất tại Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng**

Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Vietrans Đà Nẵng) thuê đất tại số 35 Ngô Quyền, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Quyết định số 19911/QĐ-UB ngày 13/08/2003 với thời gian thuê 15 năm (từ tháng 08 năm 2003 đến tháng 08 năm 2018). Ngày 16/10/2018, Cục thuế thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo số 3802/TB-CT về đơn giá thuê đất, thuê mặt nước đối với Vietrans Đà Nẵng. Theo đó, Cục thuế thành phố Đà Nẵng xác định Vietrans Đà Nẵng tiếp tục được ổn định đơn giá tiền thuê đất giai đoạn 2018 - 2022.

Trước khi hết thời hạn thuê đất, Vietrans Đà Nẵng đã nhiều lần thực hiện thủ tục xin gia hạn thời gian thuê đất nhưng không được chấp thuận. Cụ thể, ngày 05/12/2018, Vietrans Đà Nẵng đã có Công văn số 19/VTRĐN-GĐ xin gia hạn thời hạn thuê đất thêm 3 năm đến ngày 13/08/2021. Ngày 19/12/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến đề xuất UBND thành phố Đà Nẵng cho phép Vietrans Đà Nẵng được gia hạn 3 năm. Ngày 08/11/2021, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành quyết định về việc thu hồi đất tại số 35 Ngô Quyền, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng. Ngày 23/05/2022, UBND quận Sơn Trà gửi Thông báo số 1278/UBND-BQLDA đề nghị Vietrans Đà Nẵng tháo dỡ toàn bộ tài sản và bàn giao mặt bằng trước ngày 15/06/2022, sau thời gian này UBND quận Sơn Trà sẽ lập thủ tục cưỡng chế thu hồi đất theo quy định. Ngày 28/12/2022, Vietrans Đà Nẵng đã hoàn tất thủ tục bàn giao mặt bằng với Trung tâm quỹ đất thành phố Đà Nẵng.

Từ năm 2003 đến năm 2021, hàng năm Vietrans Đà Nẵng vẫn nhận các Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục thuế thành phố Đà Nẵng và Vietrans Đà Nẵng đã nộp tiền thuê đất theo thông báo.

Ngày 13/05/2022, Cục thuế thành phố Đà Nẵng đã gửi Thông báo số 1614/TB-CTDAN về việc thu hồi Thông báo số 3802/TB-CT ngày 16/10/2018 về đơn giá thuê đất thuê mặt nước, đồng thời gửi Thông báo số 1615/TB-CTDAN về điều chỉnh bổ sung tiền thuê đất. Theo đó, tiền thuê đất phát sinh từ năm 2018 đến năm 2021 phải nộp bổ sung với số tiền 11.707.294.905 đồng, thời hạn nộp tiền thuê đất bổ sung chậm nhất 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo.

Vietrans Đà Nẵng đã gửi các Công văn số 03/CV/KVNTND ngày 25/05/2022 và Công văn số 19/CV/KVNTND ngày 02/06/2022 tới Cục thuế thành phố Đà Nẵng đề nghị xem xét lại việc xác định đơn giá và truy thu tiền thuê đất nêu trên.

Ngày 18/08/2022, Vietrans Đà Nẵng đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng yêu cầu Tòa án thụ lý và giải quyết hủy bỏ các Thông báo số 1614/TB-CTDAN và số 1615/TB-CTDAN ngày 13/05/2022 của Cục thuế thành phố Đà Nẵng.

Ngày 12/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Thông báo số 31/2022/TLST-HC thông báo về việc thụ lý vụ án.

Theo Bản án sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 06/06/2023 về “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính” giữa Công ty và Cục thuế thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Vietrans Đà Nẵng về việc hủy bỏ các Thông báo số 1614/TB-CTDAN và số 1615/TB-CTDAN ngày 13/05/2022 của Cục thuế thành phố Đà Nẵng.

Ngày 16/06/2023, Vietrans Đà Nẵng đã gửi đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng để kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 12/2023/HC-ST ngày 06/06/2023.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Ngày 18/08/2023, Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng đã ra Quyết định số 3000/2023/QĐ-PT quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Theo Bản án phúc thẩm số 311/2023/HC-PT ngày 06/09/2023 về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế” giữa Vietrans Đà Nẵng và Cục thuế thành phố Đà Nẵng, Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng quyết định: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng về việc huỷ bỏ các Thông báo số 1614/TB-CTDAN và số 1615/TB-CTDAN ngày 13/05/2022 của Cục thuế thành phố Đà Nẵng.

Theo các bản án trên, Vietrans Đà Nẵng đã ghi nhận khoản tiền thuê đất phát sinh từ năm 2018 đến năm 2021 phải nộp bổ sung với số tiền 11.707.294.905 đồng và lãi tiền chậm nộp tiền thuê đất với số tiền 695.684.201 đồng (theo Thông báo số 10549/TB-CTDAN-KDT ngày 08/12/2023 của Cục thuế thành phố Đà Nẵng) vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2023. Đến thời điểm 31/12/2023, Vietrans Đà Nẵng vẫn chưa thanh toán số tiền thuê đất và phạt chậm nộp tiền thuê đất nêu trên,

Kể từ năm 2022 đến nay, Cục thuế thành phố Đà Nẵng liên tục áp dụng hàng loạt các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với Vietrans Đà Nẵng như trích tiền từ tài khoản/phong toả tài khoản, ngừng sử dụng hoá đơn đối với Vietrans Đà Nẵng. Hiện các tài khoản ngân hàng như Vietcombank, ACB của Vietrans Đà Nẵng đều đã bị phong toả.

**7.2 Sự kiện liên quan đến kiện tụng, tranh chấp của các Hợp đồng kinh tế**

Thông tin liên quan các hợp đồng có tranh chấp tại Công ty con - Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất:

- Ngày 22/01/2018, Công ty cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Đà Nẵng (Vietrans Đà Nẵng) đã ứng trước tiền cho Công ty TNHH Chế biến lâm sản Đức Trung số tiền 5 tỷ đồng để mua gỗ theo Hợp đồng mua bán số 17/HĐMB-2018 ngày 14/01/2018 (giá mua theo hợp đồng là 9,54 tỷ đồng). Sau đó, hợp đồng này không được thực hiện. Ngày 08/08/2018 và ngày 05/01/2019, Công ty TNHH Chế biến lâm sản Đức Trung đã chuyển trả lại cho Vietrans Đà Nẵng với số tiền 1,08 tỷ đồng và cam kết đến ngày 30/09/2019 sẽ thanh toán hết khoản nợ còn lại theo Biên bản cam kết ngày 15/05/2019. Sau đó, Công ty TNHH Chế biến lâm sản Đức Trung đã không thanh toán khoản nợ như đã cam kết. Ngày 02/11/2020, Vietrans Đà Nẵng đã khởi kiện đến Tòa án Nhân dân quận Hải Châu yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Chế biến lâm sản Đức Trung thanh toán số tiền 4.312.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 3.920.000.000 đồng và 392.000.000 đồng lãi trả chậm.

Theo Bản án số 08/2021/KDTM-ST ngày 25/03/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa Vietrans Đà Nẵng và Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Đức Trung, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã tuyên án: Buộc Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Đức Trung phải trả cho Vietrans Đà Nẵng 4.502.500.000 đồng trong đó nợ gốc: 3.920.000.000 đồng và phần tiền lãi tương ứng từ ngày 01/10/2019 đến 25/03/2021 là 582.500.000 đồng. Tiền án phí sẽ do bên phía Công ty TNHH Chế biến Lâm sản Đức Trung chịu, do đó Vietrans Đà Nẵng được hoàn lại 56.156.000 đồng tiền án phí. Bản án hiện đang được ủy thác cho Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội thi hành. Đến nay, Vietrans Đà Nẵng chưa thu hồi được số nợ nêu trên.

Tại ngày 31/12/2023, Báo cáo tài chính hợp nhất đang ghi nhận khoản phải thu - trả trước cho nhà cung cấp này với số tiền 3.920.000.000 đồng (thuyết minh số V.12) và Vietrans Đà Nẵng đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho khoản nợ này với số tiền 3.920.000.000 đồng, trong đó: ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 là 1.960.000.000 đồng, năm 2021 là 784.000.000 đồng và năm 2022 là 1.176.000.000 đồng (thuyết minh số V.6).

- Ngày 22/01/2018, Công ty TNHH Tân Trường Phát đã chuyển tạm ứng cho Vietrans Đà Nẵng với số tiền 6 tỷ đồng để mua gỗ theo Hợp đồng mua bán số 18/HĐMB-2018 ngày 17/01/2018 (giá bán theo hợp đồng là 12,01 tỷ đồng). Sau đó, hợp đồng này không được thực hiện. Từ ngày 09/09/2018 đến ngày 25/12/2019, Vietrans Đà Nẵng đã chuyển trả lại cho Công ty TNHH Tân Trường Phát với số tiền 1,81 tỷ đồng. Ngày 10/01/2020 Công ty TNHH Tân Trường Phát đã gửi Công văn số 001/2020/CB-TCTNTN về việc từ chối tiếp nhận số tiền 100.000.000 đồng Vietrans Đà Nẵng đã chuyển ngày 25/12/2019 và sẽ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

chuyển trả lại số tiền trên nhưng Công ty TNHH Tân Trường Phát đã không chuyển trả lại số tiền 100.000.000 đồng này. Ngày 09/10/2020, Công ty TNHH Tân Trường Phát đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Vietrans Đà Nẵng thanh toán số tiền 5.920.401.644 đồng, trong đó: nợ gốc là 4.920.000.000 đồng và 1.630.401.644 đồng tiền lãi trả chậm.

Theo Bản án phúc thẩm số 12/2021/KDTM-PT ngày 28/09/2021 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” giữa Vietrans Đà Nẵng và Công ty TNHH Tân Trường Phát, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên án: Buộc Vietrans Đà Nẵng phải thanh toán cho Công ty TNHH Tân Trường Phát số tiền 6.052.398.849 đồng, trong đó nợ gốc là 4.190.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/02/2018 đến ngày 04/06/2021 là 1.862.398.849 đồng. Toàn bộ án phí Vietrans Đà Nẵng còn phải chịu là 114.052.398 đồng.

Ngày 19/07/2022, Công ty đã nộp đơn đề nghị lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm bản án phúc thẩm số 12/2021/KDTM-PT ngày 28/09/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng nêu trên.

Ngày 13/12/2022, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 275/QĐ-CCTHDA về thi hành và đã có Thông báo số 84/TB-THADS ngày 04/01/2022 gửi Vietrans Đà Nẵng về việc thi hành án này.

Ngày 17/08/2022, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu ra Quyết định số 49/QĐ-CCTHADS về việc kê biên cưỡng chế tài sản. Tài sản kê biên xử lý bao gồm: Nhà văn phòng và đất đai tại thửa số 158, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại địa chỉ: Lô A-192 B đường 30 tháng 4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu đã ban hành Thông báo số 466/TB-CCTHADS ngày 04/10/2022, số 75/TB-CCTHADS ngày 15/11/2022 và số 150/TB-CCTHADS ngày 05/01/2023 về việc bán đấu giá tài sản thi hành án.

Ngày 10/07/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng đã ban hành Thông báo số 25/TB-TA về giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm và đã đưa ra kết luận không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 12/2021/KDTM-PT ngày 28/09/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21/07/2023, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu phối hợp với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thành phố Đà Nẵng đã bàn giao tài sản là Nhà văn phòng và đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 41 tọa lạc tại địa chỉ: Lô A-192B đường 30 tháng 4, phường Hoà Cường Bắc, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng cho người mua trúng đấu giá là bà Nguyễn Thị Dung.

Ngày 26/07/2023, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu đã gửi Thông báo số 431/TB-CCTHADS về việc phân phối và thanh toán tiền bán tài sản, chi tiết:

- Tiền bán đấu giá tài sản thu được với số tiền 13.316.500.278 đồng (trong đó số tiền từ bán tài sản là 13.313.500.278 đồng và tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá là 3.000.000 đồng);
- Các khoản chi phí cưỡng chế phải trả với số tiền 89.514.940 đồng;
- Trả cho Công ty TNHH Tân Trường Phát số tiền 6.780.049.098 đồng. Chi tiết gồm trả nợ gốc số tiền 4.055.052.398 đồng, lãi phát sinh từ ngày 03/02/2018 đến ngày 04/06/2021 số tiền 1.862.398.849 đồng (đã ghi nhận vào chi phí tài chính năm 2022 số tiền 1.862.398.849 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 05/06/2021 đến nay với số tiền 862.597.850 đồng (đã ghi nhận vào chi phí tài chính năm 2023 số tiền 862.597.850 đồng);
- Trả cho Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng số tiền 2.139.307.433 đồng (trong đó trả nợ gốc số tiền 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 139.307433 đồng);
- Số tiền còn thừa sau phân phối tiền bán tài sản là 4.307.628.807 đồng.

Ngày 14/09/2023, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu đã chuyển cho Vietrans Đà Nẵng số tiền 2.179.063.681 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Ngày 19/10/2023, Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu chuyển tiền nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp từ chuyển nhượng bất động sản với số tiền lần lượt là 266.270.006 đồng và 1.288.787.248 đồng cho Chi cục thuế quận Hải Châu.

Đến thời điểm 31/12/2023, Chi cục thi hành án quận Hải Châu đang tạm giữ lại số tiền còn lại sau khi bán đấu giá tài sản để thi hành án là 573.507.872 đồng. Chi cục Thi hành án quận Hải châu đã gửi Công văn số 116/CCTHADS đề nghị Văn phòng Đăng ký Đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng sớm hoàn tất thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu sử dụng đất đai và tài sản gắn liền với đất để chi trả lại số tiền tạm giữ lại cho Công ty.

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Nhóm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2023

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Khánh**

**Trần Thị Bích Hạnh**

